

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK tăng điểm tương đồng với diễn biến chứng khoán toàn cầu khi số liệu về kinh tế Mỹ có nhiều khởi sắc

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng nhẹ, tương đồng với TTCK trong khu vực

[Thông tin doanh nghiệp]

HPG, VPB

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị duy trì vị thế trung hạn và có thể thực hiện bán trading 1 phần, đồng thời cân bằng lại vị thế ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản

05/02/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,126.91	+1.32
VN30	1,135.50	+1.59
HĐTL VN30F1M	1,139.90	+2.23
HNXIndex	223.84	+0.07
HNX30	338.99	+2.43
UPCoM	73.89	-0.23
USD/VND	23,004	-0.10
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.22	-2
Lãi suất qua đêm (%)	1.90	+32
Dầu (WTI, \$)	56.73	+0.89
Vàng (LME, \$)	1,810.45	+0.92



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,126.91 (+1.32%)
KLGD (triệu CP) 529.9 (+18.9%)
GTGD (triệu US\$) 539.8 (-0.0%)

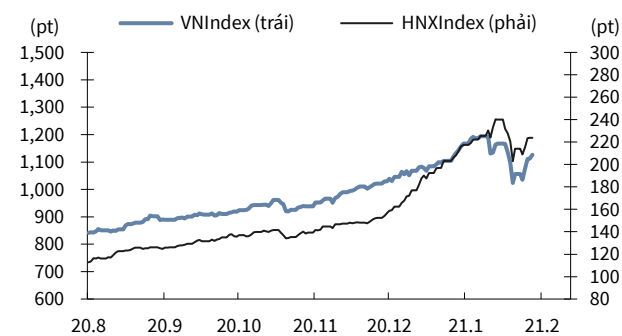
HNXIndex 223.84 (+0.07%)
KLGD (triệu CP) 98.6 (+13.7%)
GTGD (triệu US\$) 88.3 (+56.7%)

UPCoM 73.89 (-0.23%)
KLGD (triệu CP) 61.8 (+64.1%)
GTGD (triệu US\$) 20.0 (-7.5%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +19.1

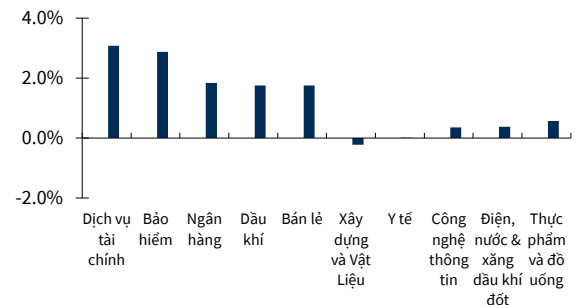
TTCK tăng điểm tương đồng với diễn biến chứng khoán toàn cầu khi số liệu về kinh tế Mỹ có nhiều khởi sắc. Theo thông tin từ Bộ Công Thương, ngành dệt may đã giữ được đà tăng xuất khẩu và duy trì được nhịp độ sản xuất ngay từ tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt và may mặc đạt 2.6 tỷ USD (+3.3% YoY), sản xuất vải dệt từ sợi tổng hợp và sợi nhân tạo ước đạt 92.4 triệu m² (+20,4% YoY) và quần áo mặc thường ước đạt 380.1 triệu chiếc (+9.3% YoY) giúp cổ phiếu nhóm dệt may tăng giá ở EVE (+2.7%), VGT (+2.2%). Cổ phiếu nhóm dầu khí tiếp tục tăng giá như PVD (+1.8%), PVS (+0.5%) sau khi OPEC và các đồng minh cam kết tiếp tục nhanh chóng giải phóng thặng dư toàn cầu còn tồn đọng trong đại dịch Covid-19. Theo thông tin từ Tập đoàn Hoà Phát, tháng 1/2021, sản lượng sản xuất thép thô của Hoà Phát đạt mức cao nhất từ trước đến nay với hơn 670,000 tấn, tăng 67% so với cùng kỳ giúp cổ phiếu tăng giá HPG (+1.7%), kéo theo sự tăng giá ở doanh nghiệp cùng ngành như NKG (+0.7%), HSG (+0.4%). Khối ngoại mua ròng ở FUEVFVND (+2.2%), VNM (+0.7%), VHM (+0.9%).

VNIndex & HNXIndex



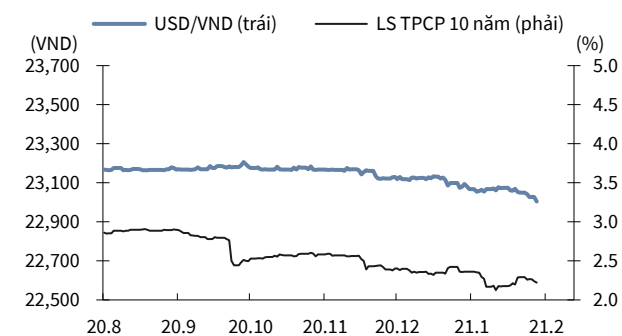
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



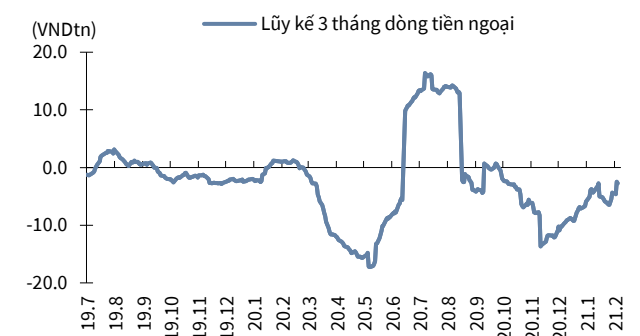
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

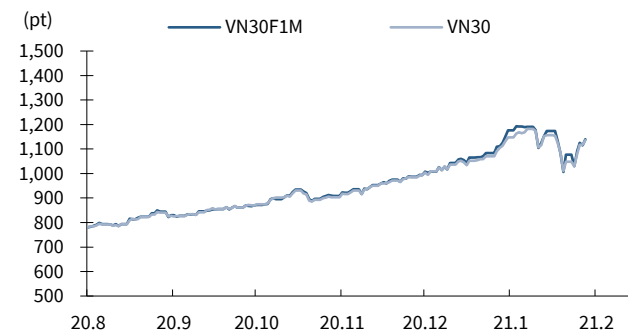
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,135.50 (+1.59%)
VN30F1M	1,139.9 (+2.23%)
Mở cửa	1,125.0
Cao nhất	1,146.0
Thấp nhất	1,122.2

HĐTL tăng nhẹ, tương đồng với TTCK trong khu vực. Chênh lệch F2102 và VN30 mở cửa ở mức 6.76 và mở rộng dần trong phiên, đóng cửa ở mức 4.4. NĐTNN bán ròng trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường suy giảm.

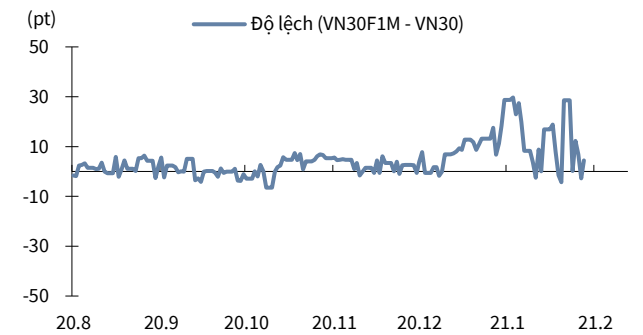
KLGD (HĐ) **166,587 (-39.5%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



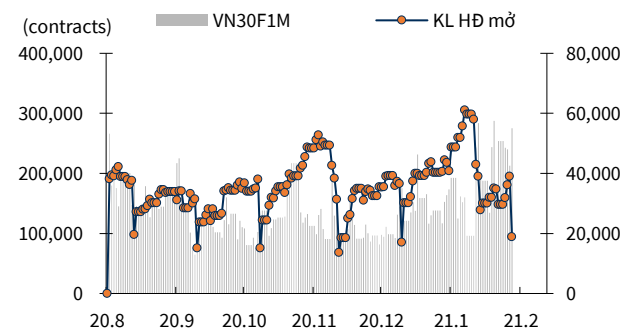
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



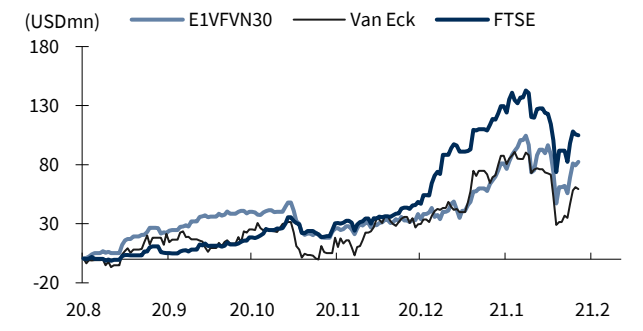
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

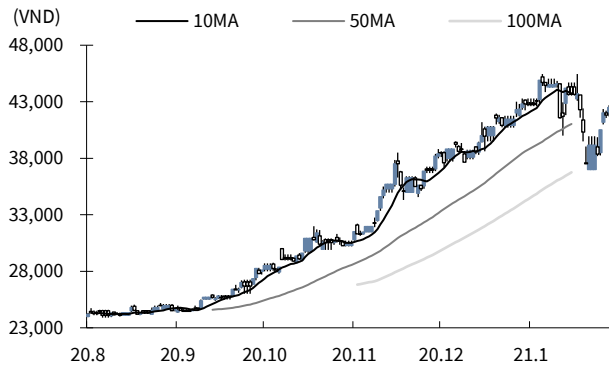
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

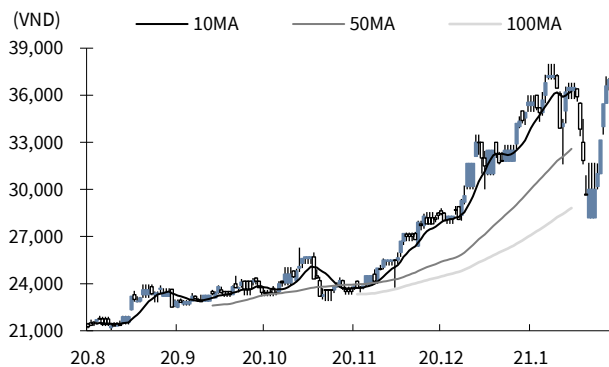
Tập đoàn Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 1.7% lên 42,500 VNĐ/cp.
- Theo thông tin từ Tập đoàn Hoà Phát, sản lượng sản xuất thép thô của Hòa Phát tháng 1/2021 đạt mức cao nhất từ trước đến nay với hơn 670,000 tấn (+67% YoY). Sản lượng bán hàng thép Hòa Phát bao gồm thép xây dựng thành phẩm, phôi thép và thép cuộn cán nóng (HRC) đạt 577,000 tấn, trong đó HRC đạt 252,000 tấn (+48% QoQ).

VPBank (VPB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VPB tăng 1.1% lên 37,000 VNĐ/cp
- Theo tài liệu nhà đầu tư, VPBank cho biết lợi nhuận trước thuế FE Credit năm 2020 đạt 3,713 tỷ đồng (-17% YoY). Trong năm 2020, FE Credit đã giải ngân được khoảng 63 nghìn tỷ đồng, giảm 10 nghìn tỷ so với năm 2019, tỷ lệ nợ xấu theo tiêu chuẩn VAS là 6.6%.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex hồi phục trong thế giằng co và dần mở rộng đà tăng vào cuối phiên.
- Với xu hướng hồi phục giữ vai trò chủ đạo, chúng tôi cho rằng chỉ số đang có cơ hội hướng tới vùng cản quanh 1150 (+-5) trước khi chịu áp lực rung lắc rõ nét hơn.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục duy trì vị thế trung hạn và có thể thực hiện bán trading 1 phần, đồng thời cân bằng lại vị thế ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1156 - 1161

Kháng cự gần: 1146 - 1150

Hỗ trợ gần: 1131 - 1136

Hỗ trợ xa: 1119 - 1124

— F1 hồi phục giảm co và mở rộng đà tăng điểm cuối phiên.

— Với xu hướng hồi phục giữ vai trò chủ đạo, chúng tôi cho rằng chỉ số đang có cơ hội hướng tới vùng cản 1150-1160 trước khi gặp áp lực rung lắc rõ nét hơn.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Quay lại chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều trong phiên.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế LONG đã mở, chờ gia tăng trạng thái nếu về lại vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

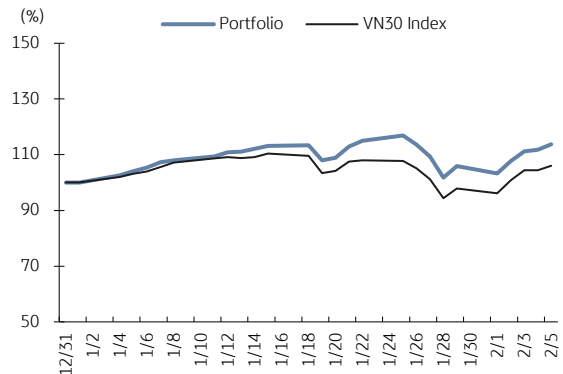
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.59%	1.71%
Tăng lũy kế (YTD)	6.05%	13.71%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 05/02/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	130,500	1.6%	12.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	34,500	6.2%	41.1%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	83,900	1.2%	9.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	24,750	2.9%	45.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	53,500	0.0%	57.4%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	72,900	0.6%	117.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	35,800	3.2%	46.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	81,200	0.2%	10.6%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	42,500	1.7%	117.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	40,000	-0.4%	192.0%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	2.2%	100.0%	212.8
VNM	0.7%	57.8%	98.8
VHM	0.9%	22.3%	70.6
KBC	-0.4%	20.2%	68.9
FUESSVFL	2.1%	99.2%	52.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NVL	-1.6%	7.1%	-42.4
HPG	1.7%	31.1%	-40.7
CTG	3.2%	28.7%	-30.5
VRE	0.3%	31.4%	-26.4
GAS	0.3%	2.9%	-26.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NVB	4.5%	6.3%	9.6
GKM	1.1%	0.2%	0.6
APS	1.5%	15.8%	0.3
CDN	5.6%	21.5%	0.3
CVN	3.5%	1.9%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	2.0%	9.2%	-2.1
VCS	1.8%	3.5%	-1.2
BVS	9.8%	13.7%	-1.0
PLC	-0.4%	2.2%	-0.7
ART	2.1%	5.0%	-0.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	13.0%	FPT, CMG
Ngân hàng	9.6%	VCB, CTG
Tài nguyên Cơ bản	7.5%	HPG, DHC
Dịch vụ tài chính	7.5%	SSI, E1VFN30
Dầu khí	7.2%	PLX, PVD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-5.1%	YEG, PNC
Y tế	-1.1%	OPC, TRA
Bán lẻ	-0.2%	MWG, ABS
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.8%	TCM, ADS
Xây dựng và Vật Liệu	1.2%	ROS, CTD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	12.5%	FPT, SGT
Hàng cá nhân & Gia dụng	5.8%	TCM, GIL
Bán lẻ	5.5%	MWG, ABS
Ô tô và phụ tùng	2.4%	DRC, SVC
Bất động sản	1.6%	BCM, VHM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-12.8%	YEG, PNC
Bảo hiểm	-12.0%	BVH, BMI
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-10.3%	GAS, POW
Hóa chất	-9.5%	GVR, PHR
Dịch vụ tài chính	-9.1%	FIT, OGC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	107,500	363,611 (15,806)	139,082 (6.0)	22.6	44.1	31.1	11.1	8.5	11.0	3.4	3.1	2.4	8.1	-2.0	-0.6
	VHM	VINHOMES JSC	99,300	326,649 (14,200)	286,086 (12.4)	26.7	10.4	8.8	37.1	30.7	28.4	2.9	2.2	0.9	6.2	3.9	10.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	32,700	74,305 (3,230)	244,283 (10.6)	17.6	23.7	18.0	-7.6	10.6	12.3	2.4	2.2	0.3	2.0	-1.8	4.1
	NVL	NO VA LAND INVES	80,200	85,329 (3,709)	336,409 (14.6)	31.2	19.9	16.9	6.4	13.5	13.7	2.6	2.2	-1.6	0.0	24.8	22.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	32,750	18,301 (796)	49,886 (2.2)	11.3	14.9	9.7	17.7	15.1	20.1	2.1	1.8	0.2	2.7	11.4	11.8
	DXG	DAT XANH GROUP	22,500	11,661 (507)	207,474 (9.0)	13.7	10.7	7.6	-	15.2	18.2	1.5	1.2	5.6	14.8	32.4	41.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	100,000	370,888 (16,123)	116,668 (5.1)	6.3	18.9	14.7	17.8	19.3	20.7	3.2	2.7	1.1	7.5	0.7	2.1
	BID	BANK FOR INVESTM	41,800	168,120 (7,308)	92,250 (4.0)	12.7	18.0	12.0	4.9	12.2	15.4	1.9	1.7	0.7	4.8	12.7	-12.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	36,300	127,228 (5,531)	592,750 (25.7)	0.0	9.7	8.4	14.4	16.4	16.2	1.5	1.3	3.7	13.4	9.8	15.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	35,800	133,298 (5,795)	368,951 (16.0)	1.3	10.0	7.9	61.0	14.8	15.8	1.4	1.2	3.2	17.4	1.1	3.6
	VPB	VIETNAM PROSPERI	37,000	90,826 (3,948)	210,331 (9.1)	0.0	8.5	7.6	18.8	18.5	17.2	1.5	1.2	1.1	23.3	7.7	13.8
	MBB	MILITARY COMMERC	24,750	69,269 (3,011)	454,085 (19.7)	0.1	7.2	6.1	14.6	18.7	19.0	1.2	1.0	2.9	5.5	-0.7	8.6
	HDB	HDBANK	24,100	38,410 (1,670)	130,939 (5.7)	4.0	7.2	6.2	23.4	19.0	18.5	1.3	1.1	2.3	8.1	-2.6	1.5
	STB	SACOMBANK	18,300	33,007 (1,435)	618,322 (26.8)	13.8	15.6	11.1	32.4	8.4	9.9	1.1	1.0	4.0	8.3	3.4	8.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	26,700	27,545 (1,197)	88,710 (3.8)	0.0	7.6	6.4	37.5	19.9	19.7	1.4	1.2	0.8	7.0	-3.8	-0.4
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,900	22,007 (957)	17,515 (0.8)	0.0	29.5	23.3	27.3	4.4	5.3	1.3	1.2	0.6	6.2	-8.2	-7.0	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	60,000	44,539 (1,936)	66,856 (2.9)	21.0	28.6	24.9	15.2	8.1	8.6	2.1	2.0	3.3	6.2	-9.1	-9.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,200	2,393 (104)	21,340 (0.9)	14.1	12.6	10.3	8.4	9.4	11.1	1.0	1.0	3.4	4.0	17.0	-14.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	31,500	18,869 (820)	446,333 (19.4)	55.0	16.2	14.3	0.0	11.6	12.0	-	-	6.1	9.4	-6.7	-4.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	54,200	8,976 (390)	88,975 (3.9)	72.0	11.6	-	-4.0	15.5	-	-	-	2.3	10.6	13.7	-6.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	28,000	8,541 (371)	178,904 (7.8)	51.2	16.1	-	-19.0	14.6	-	-	-	2.6	4.1	11.4	-10.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	26,350	5,495 (239)	151,162 (6.6)	27.0	-	-	36.7	11.2	-	-	-	3.3	12.4	12.5	-12.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,600	229,059 (9,957)	326,284 (14.2)	42.2	20.1	18.6	4.0	38.7	37.5	6.9	6.0	0.7	6.6	-1.1	0.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	181,900	116,649 (5,071)	39,528 (1.7)	36.8	22.2	19.1	7.3	25.3	26.3	5.1	4.6	-0.1	12.5	-8.6	-6.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	89,600	105,252 (4,575)	219,777 (9.5)	16.6	39.8	26.1	-51.9	9.7	14.2	3.1	2.9	0.1	4.8	0.3	0.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,100	12,305 (535)	135,794 (5.9)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-0.9	28.6	-23.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,100	68,675 (2,985)	86,320 (3.7)	11.1	44.5	20.9	-88.3	14.1	18.3	4.2	3.6	0.4	4.2	5.0	4.9
	GMD	GEMADEPT CORP	31,000	9,343 (406)	130,576 (5.7)	10.6	20.7	15.6	-57.3	7.5	9.5	1.5	1.4	2.0	4.0	-8.3	-4.9
	CII	HO CHI MINH CITY	20,900	4,992 (217)	60,659 (2.6)	39.5	10.3	6.9	78.0	8.9	12.0	0.9	0.9	-1.9	0.2	-6.3	-2.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,920	2,225 (097)	113,409 (4.9)	46.2	-	-	-89.3	-	-	-	-	1.6	12.5	57.4	54.9
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	20,950	10,097 (439)	167,889 (7.3)	37.4	12.1	7.5	-13.8	12.4	17.5	-	-	1.7	4.8	10.9	-6.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	71,400	5,304 (231)	95,555 (4.1)	3.5	10.1	10.2	-43.9	6.4	6.5	0.6	0.7	1.6	-3.5	-6.7	-8.1
	REE	REE	53,500	16,534 (719)	40,295 (1.7)	0.0	9.8	8.7	-4.5	14.0	13.7	1.3	1.2	0.0	4.9	6.6	9.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	81,200	155,413 (6,756)	89,883 (3.9)	46.1	19.5	16.0	-15.4	16.9	22.5	3.2	3.1	0.2	6.4	-9.8	-6.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,050	6,636 (288)	20,719 (0.9)	31.3	9.8	8.2	-10.5	16.9	20.3	1.6	1.6	0.7	-1.7	-6.5	-6.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	25,600	8,208 (357)	14,463 (0.6)	34.0	10.5	10.5	-5.3	12.0	13.0	1.3	1.3	0.4	-3.2	4.3	4.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	42,500	140,815 (6,121)	1,037,585 (45.0)	17.9	9.6	8.6	25.2	22.2	21.5	2.1	1.7	1.7	8.6	0.4	2.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	16,300	6,379 (277)	50,587 (2.2)	36.2	9.9	11.2	0.2	8.9	7.5	0.7	0.7	2.2	2.8	14.4	-13.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,900	6,829 (297)	50,131 (2.2)	46.3	15.9	14.9	-4.3	7.8	8.2	1.1	1.1	1.6	1.2	-8.5	-7.9
	HSG	HOA SEN GROUP	24,000	10,663 (464)	223,651 (9.7)	38.0	9.2	8.3	67.9	16.2	14.8	1.4	1.2	0.4	2.8	0.8	8.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	13,250	2,938 (128)	49,875 (2.2)	97.0	8.0	8.5	41.5	12.5	10.6	0.9	0.8	-0.4	1.1	-8.6	-8.0
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	52,200	63,622 (2,766)	51,708 (2.2)	4.6	19.3	16.5	-49.7	15.3	16.4	2.5	2.5	1.8	6.5	-5.3	-4.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,950	8,402 (365)	234,937 (10.2)	39.5	47.3	20.5	-11.9	1.2	3.0	0.6	0.6	1.8	12.7	14.7	23.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,600	5,373 (234)	117,243 (5.1)	35.3	10.1	9.4	-0.1	10.4	10.3	0.9	0.8	0.9	3.8	14.9	18.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	130,500	60,829 (2,644)	193,629 (8.4)	0.0	12.0	9.5	13.7	28.3	29.0	3.0	2.5	1.6	-1.7	7.1	9.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	83,900	19,076 (829)	56,110 (2.4)	0.0	15.8	12.5	7.0	23.0	23.8	3.3	2.6	1.2	1.0	3.2	3.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	39,900	1,248 (054)	3,236 (0.1)	70.6	12.2	9.4	-	8.5	10.2	1.0	0.9	0.8	-5.7	14.0	-13.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	27,000	2,133 (093)	59,602 (2.6)	30.4	16.8	12.8	-75.2	9.2	13.4	1.7	1.6	0.7	3.1	17.4	-15.6
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	58,600	7,940 (345)	71,115 (3.1)	34.7	8.3	14.8	41.1	32.6	16.9	2.3	2.4	0.2	0.3	-8.9	-7.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,800	13,179 (573)	2,299 (0.1)	45.4	17.3	16.7	10.7	20.3	19.7	3.2	3.0	1.0	-0.2	-3.6	-3.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	74,000	5,551 (241)	174 (0.0)	11.7	-	-	1.7	-	-	-	-	0.0	-2.1	-2.6	-3.3
IT	FPT	FPT CORP	72,900	57,147 (2,484)	175,791 (7.6)	0.0	14.7	12.1	15.5	25.4	27.1	3.1	2.9	0.6	16.3	16.3	23.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh
anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu
hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.